

Số 892/TB-UBND

Yên Sở, ngày 08 tháng 11 năm 2021.

**THÔNG BÁO**

**Về việc công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền  
tiếp nhận, giải quyết của UBND phường Yên Sở**

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ); Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC(TTHC); Căn cứ các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội về công bố danh mục TTHC, TTHC bị bãi bỏ, thay thế;

Thực hiện công văn số 115/CV-UBND ngày 15/9/2020 của UBND quận Hoàng Mai về việc công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận, UBND các phường trên địa bàn quận Hoàng Mai; UBND phường Yên Sở công khai kết quả rà soát, tổng hợp TTHC đang thực hiện tại UBND phường đến thời điểm báo cáo như sau:

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND phường theo các Quyết định công bố của UBND thành phố Hà Nội: 188 TTHC trên 16 lĩnh vực.

STT	TÊN LĨNH VỰC	Số TTHC theo các QĐ công bố của TP Hà Nội	Số TTHC Liên thông các cấp	Số TTHC thuộc thẩm quyền cấp phường
	<b>Tổng số:</b>	<b>188</b>	<b>53</b>	<b>135</b>
01	Nội vụ (Tôn giáo + TĐKT)	15		15
02	Giáo dục - Đào tạo	05		05
03	Thanh tra	07		07

04	Dân số	01		01
05	Lao động - TBXH	51	32	19
06	Tư pháp - Hộ tịch BHXH	55	15	40
07	Văn hóa - Thông tin	07		07
08	Địa chính - Đô thị	04	04	
09	Môi trường	04	02	02
10	Nông nghiệp	08		08
11	Dân tộc	02		02
12	Tài chính (Quản lý công sản)	01		01
13	Giao thông (đường thủy nội địa )	10		10
14	Y tế	02		02
15	Phòng chống thiên tai	02		02
16	Lĩnh vực quân sự	14		14

Thông báo này thay thế Thông báo số 277/TB-UBND ngày 02/6/2021 của UBND phường Yên Sở về việc công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND phường theo các Quyết định công bố của UBND thành phố Hà Nội./

**Nơi nhận:**

- TT.UBND phường / báo cáo
- Các bộ phận chuyên môn/Đề thực hiện
- Lưu VT:



**CHỦ TỊCH**

**Trương Thành Tâm**

**Phụ lục**

**DANH MỤC 188 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐANG THỰC HIỆN**

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 08/11/2021 của UBND phường Yên Sở)

<b>LĨNH VỰC DÂN SỐ (01 QUY TRÌNH)</b>		
1.	Quy trình: Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	QT-DS-01
<b>LĨNH VỰC ĐỊA CHÍNH (04 QUY TRÌNH)</b>		
2.	Quy trình: Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở cho hộ gia đình, cá nhân. (TTLT cấp huyện).	QT-ĐC-01
3.	Quy trình: Cấp giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất. (TTLT cấp huyện).	QT-ĐC-02
4.	Quy trình: Đăng ký đất đai lần đầu (không áp dụng đối với trường hợp kê khai cấp Giấy chứng nhận).	QT-ĐC-03
5.	Quy trình: Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận do thực hiện dồn điền đổi thửa, đo đạc xác định lại diện tích kích thước thửa đất).	QT-ĐC-04
<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 QUY TRÌNH)</b>		
6.	Quy trình: Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.	QT-GDĐT-01
7.	Quy trình: Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.	QT-GDĐT-02
8.	Quy trình: Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại.	QT-GDĐT-03
9.	Quy trình: Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.	QT-GDĐT-04
10.	Quy trình: Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.	QT-GDĐT-05
<b>LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (02 QUY TRÌNH)</b>		
11.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT-PCTT-01
12.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT-PCTT-02
<b>LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (51 QUY TRÌNH)</b>		

<b>I. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (15 QUY TRÌNH)</b>		
<b>I-A. LIÊN THÔNG CẤP THÀNH PHỐ (02 QUY TRÌNH)</b>		
13.	Quy trình: Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em.	QT-BTXH-01
14.	Quy trình: Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.	QT-BTXH-02
<b>I-B. LIÊN THÔNG CẤP HUYỆN (06 QUY TRÌNH)</b>		
15.	Quy trình: Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.	QT-BTXH-03
16.	Quy trình: Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	QT-BTXH-04
17.	Quy trình: Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	QT-BTXH-05
18.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội.	QT-BTXH-06
19.	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp.	QT-BTXH-07
20.	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai tang.	QT-BTXH-08
<b>I-C. THỦ TỤC THỰC HIỆN TẠI XÃ (07 QUY TRÌNH)</b>		
21.	Quy trình: Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.	QT-BTXH-09
22.	Quy trình: Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế.	QT-BTXH-10
23.	Quy trình: Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật.	QT-BTXH-11
24.	Quy trình: Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật.	QT-BTXH-12
25.	Quy trình: Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	QT-BTXH-13
26.	Quy trình: Công nhận hộ nghèo, cận nghèo phát sinh trong	QT-BTXH-14

	năm.	
27.	Quy trình: Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm.	QT-BTXH-15
<b>II. LĨNH VỰC BẢO VỆ, CHĂM SÓC TRẺ EM (06 QUY TRÌNH)</b>		
28.	Quy trình: Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	QT-CSTE-01
29.	Quy trình: Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	QT-CSTE-02
30.	Quy trình: Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.	QT-CSTE-03
31.	Quy trình: Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em.	QT-CSTE-04
32.	Quy trình: Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em.	QT-CSTE-05
33.	Quy trình: Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế.	QT-CSTE-06
<b>III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ QUAN HỆ LAO ĐỘNG (01 QUY TRÌNH) – LIÊN THÔNG CẤP THÀNH PHỐ</b>		
34.	Quy trình: Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chia.	QT-QHLD-01
<b>IV. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (25 QUY TRÌNH)</b>		
<b>IV-A. LIÊN THÔNG VỚI CẤP TRUNG ƯƠNG (05 QUY TRÌNH GỒM 01 ĐẾN 04 + QT 25)</b>		
35.	Quy trình: Xác nhận liệt sĩ.	QT-NCC-01
36.	Quy trình: Xác nhận liệt sĩ đối với người thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	QT-NCC-02
37.	Quy trình: Xác nhận liệt sĩ đối với người không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	QT-NCC-03
38.	Quy trình: Đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công.	QT-NCC-04

<b>IV-B. LIÊN THÔNG CẤP THÀNH PHỐ (18 QUY TRÌNH)</b>		
39.	Quy trình: Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	QT-NCC-05
40.	Quy trình: Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	QT-NCC-06
41.	Quy trình: Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng.	QT-NCC-07
42.	Quy trình: Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ.	QT-NCC-08
43.	Quy trình: Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	QT-NCC-09
44.	Quy trình: Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT-NCC-10
45.	Quy trình: Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	QT-NCC-11
46.	Quy trình: Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	QT-NCC-12
47.	Quy trình: Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	QT-NCC-13
48.	Quy trình: Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	QT-NCC-14
49.	Quy trình: Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	QT-NCC-15
50.	Quy trình: Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	QT-NCC-16
51.	Quy trình: Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	QT-NCC-17
52.	Quy trình: Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	QT-NCC-18
53.	Quy trình: Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần.	QT-NCC-19

54.	Quy trình: Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương chết trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi.	QT-NCC-20
55.	Quy trình: Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	QT-NCC-21
56.	Quy trình: Giải quyết mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần.	QT-NCC-22
<b>IV-C. THỦ TỤC THỰC HIỆN TẠI XÃ (02 QUY TRÌNH)</b>		
57.	Quy trình: Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ.	QT-NCC-23
58.	Quy trình: Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.	QT-NCC-24
59.	Cấp bằng Tổ Quốc ghi công đối với trường hợp thân nhân được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp bằng (TTLT cấp Trung ương)	QT-NCC-25
<b>V. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (03 QUY TRÌNH)</b>		
60.	Quy trình: Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân.	QT-PCTN-01
61.	Quy trình: Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình.	QT-PCTN-02
62.	Quy trình: Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng.	QT-PCTN-03
<b>VI. LĨNH VỰC VIỆC LÀM</b>		
63.	Quy trình: Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.	QT-VL-01
<b>LĨNH VỰC NỘI VỤ (15 QUY TRÌNH)</b>		
<b>I. LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (05 QUY TRÌNH)</b>		
64.	Quy trình: Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị.	QT-TĐKT-01
65.	Quy trình: Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề.	QT-TĐKT-02
66.	Quy trình: Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất.	QT-TĐKT-03
67.	Quy trình: Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho	QT-TĐKT-04

	gia đình.	
68.	Quy trình: Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.	QT-TĐKT-05
<b>II. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO (10 QUY TRÌNH)</b>		
69.	Quy trình: Đăng ký hoạt động tín ngưỡng.	QT-TG-01
70.	Quy trình: Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng.	QT-TG-02
71.	Quy trình: Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	QT-TG-03
72.	Quy trình: Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.	QT-TG-04
73.	Quy trình: Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.	QT-TG-05
74.	Quy trình: Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.	QT-TG-06
75.	Quy trình: Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã.	QT-TG-07
76.	Quy trình: Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác.	QT-TG-08
77.	Quy trình: Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.	QT-TG-09
78.	Quy trình: Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.	QT-TG-10
<b>LĨNH VỰC THANH TRA (07 QUY TRÌNH)</b>		
79.	Quy trình: Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã.	QT-TTr-01
80.	Quy trình: Giải quyết tố cáo tại cấp xã.	QT-TTr-02
81.	Quy trình: Xử lý đơn tại cấp xã.	QT-TTr-03
82.	Quy trình: Tiếp công dân tại cấp xã.	QT-TTr-04
83.	Quy trình: Kê khai tài sản, thu nhập	QT-TTr-05
84.	Quy trình: Tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT-TTr-06
85.	Quy trình: Thực hiện việc giải trình	QT-TTr-07
<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (04 QUY TRÌNH)</b>		
86.	Quy trình: Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.	QT-TNMT-01
87.	Quy trình: Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ	QT-TNMT-02



	lợi ích.	
88.	Quy trình: Đăng ký khai thác nước dưới đất.	QT-TNMT-03
89.	Quy trình: Lấy ý kiến UBND cấp xã đối với dự án đầu tư chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh.	QT-TNMT-04
<b>LĨNH VỰC TƯ PHÁP (40 QUY TRÌNH)</b>		
<b>I. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 QUY TRÌNH)</b>		
90.	Quy trình: Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	QT-BTNN-01
<b>II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (11 QUY TRÌNH)</b>		
91.	Quy trình: Cấp bản sao từ sổ gốc.	QT-LVCT-01
92.	Quy trình: Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.	QT-LVCT-02
93.	Quy trình: Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được).	QT-LVCT-03
94.	Quy trình: Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung hủy bỏ hợp đồng giao dịch.	QT-LVCT-04
95.	Quy trình: Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng giao dịch.	QT-LVCT-05
96.	Quy trình: Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực.	QT-LVCT-06
97.	Quy trình: Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở.	QT-LVCT-07
98.	Quy trình: Chứng thực di chúc.	QT-LVCT-08
99.	Quy trình: Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.	QT-LVCT-09
100.	Quy trình: Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở.	QT-LVCT-10
101.	Quy trình: Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở.	QT-LVCT-11
<b>III. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (16 QUY TRÌNH)</b>		
102.	Quy trình: Đăng ký khai sinh (Cấp 2; 3).	QT-HT-01
103.	Quy trình: Đăng ký kết hôn (Cấp 2; 3).	QT-HT-02
104.	Quy trình: Đăng ký nhận cha, mẹ, con.	QT-HT-03

105	Quy trình: Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con.	QT-HT-04
106	Quy trình: Đăng ký khai tử.	QT-HT-05
107	Quy trình: Đăng ký khai sinh lưu động.	QT-HT-06
108	Quy trình: Đăng ký kết hôn lưu động.	QT-HT-07
109	Quy trình: Đăng ký khai tử lưu động.	QT-HT-08
110	Quy trình: Đăng ký giám hộ (Cấp 2; 3).	QT-HT-09
111	Quy trình: Đăng ký chấm dứt giám hộ (Cấp 2; 3).	QT-HT-10
112	Quy trình: Thay đổi, cải chính bổ sung hộ tịch.	QT-HT-11
113	Quy trình: Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Cấp 2; 3).	QT-HT-12
114	Quy trình: Đăng ký lại khai sinh.	QT-HT-13
115	Quy trình: Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	QT-HT-14
116	Quy trình: Đăng ký lại kết hôn (Cấp 2; 3).	QT-HT-15
117	Quy trình: Đăng ký lại khai tử.	QT-HT-16
<b>IV. LĨNH VỰC HÒA GIẢI CƠ SỞ (05 QUY TRÌNH)</b>		
118	Quy trình: Công nhận hòa giải viên.	QT-HGCS-01
119	Quy trình: Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải.	QT-HGCS-02
120	Quy trình: Thôi làm hòa giải viên.	QT-HGCS-03
121	Quy trình: Thanh toán thù lao hòa giải viên.	QT-HGCS-04
122	Quy trình: Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải. (Thủ tục liên thông).	QT-HGCS-05
<b>V. LĨNH VỰC KHAI SINH LIÊN THÔNG (02 QUY TRÌNH)</b>		
123	Quy trình: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm Y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi ( <i>trường hợp trẻ có cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện</i> ).	QT-KSLT-01
124	Quy trình: Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm Y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi ( <i>trường hợp trẻ có cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện</i> ).	QT-KSLT-02
<b>VI. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (02 QUY TRÌNH)</b>		

125	Quy trình: Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.	QT-NCN-01
126	Quy trình: Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước.	QT-NCN-02
<b>VII. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (02 QUY TRÌNH)</b>		
127	Quy trình: Công nhận tuyên truyền viên pháp luật.	QT-PBGD-01
128	Quy trình: Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.	QT-PBGD-02
<b>VIII. TTHC THỰC HIỆN TẠI CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH (01 QUY TRÌNH)</b>		
129	Quy trình: Cấp bản sao trích lục hộ tịch (Cấp 2; 3; 4).	QT-TLHT-01
<b>LĨNH VỰC TƯ PHÁP LIÊN THÔNG (15 QUY TRÌNH)</b>		
130	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ).	QT-TPLT-01
131	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng trợ cấp tuất/mai táng phí (Đối với người hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 613/QĐ-TTg, Quyết Định 91/2000/QĐ-TTg, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian đóng BHXH và người chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng tại Quận, Huyện, Thị xã nơi khai tử).	QT-TPLT-02
132	Quy trình: Đăng ký khai tử, hưởng trợ cấp tuất/ mai táng phí (Đối với người hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng, trợ cấp hàng tháng theo Quyết định 613/QĐ-TTg, Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người bảo lưu thời gian đóng BHXH và người chờ đủ điều kiện về tuổi đời để hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng tại Quận, Huyện, Thị xã nơi khai tử).	QT-TPLT-03
133	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần (nếu có) đối với người có công với cách mạng từ trần (bao gồm thân nhân liệt sỹ đang hưởng trợ cấp hàng tháng).	QT-TPLT-04
134	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng).	QT-TPLT-05

135.	Quy trình: Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng).	QT-TPLT-06
136.	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg.	QT-TPLT-07
137.	Quy trình: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo quyết định 290/2005/QĐ-TTg, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg.	QT-TPLT-08
138.	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh.	QT-TPLT-09
139.	Quy trình: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh.	QT-TPLT-10
140.	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở Cam-Pu-Chia. Giúp bạn Lào sau ngày 30/04/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	QT-TPLT-11
141.	Quy trình: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-Pu-Chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/04/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	QT-TPLT-12
142.	Quy trình: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (thay đổi chủ hộ trong trường hợp người chết là chủ hộ), hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ,	QT-TPLT-13

	chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	
143	Quy trình: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	QT-TPLT-14
144	Quy trình: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định 49/2015/QĐ-TTg về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	QT-TPLT-15
<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA THÔNG TIN (07 QUY TRÌNH)</b>		
145	Quy trình: Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm.	QT-VHTT-01
146	Quy trình: Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa.	QT-VHTT-02
147	Quy trình: Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã.	QT-VHTT-03
148	Quy trình: Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng.	QT-VHTT-04
149	Quy trình: Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện đối với thư viện cộng đồng.	QT-VHTT-05
150	Quy trình: Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng.	QT-VHTT-06
151	Quy trình: Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở.	QT-VHTT-07
<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (08 QUY TRÌNH)</b>		
152	Quy trình: Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu.	QT-NN-01
153	Quy trình: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng thiệt hại do dịch bệnh.	QT-NN-02
154	Quy trình: Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai.	QT-NN-03
155	Quy trình: Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm Nông nghiệp.	QT-NN-04
156	Quy trình: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.	QT-NN-05
157	Quy trình: Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn	QT-NN-06

	vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	
158	Quy trình: Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-NN-07
159	Quy trình: Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT-NN-08
<b>LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 QUY TRÌNH)</b>		
160	Quy trình: Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	QT-DT-01
161	Quy trình: Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	QT-DT-02
<b>ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (10 QUY TRÌNH)</b>		
162	Quy trình: Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	QT-ĐTND-01
163	Quy trình: Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	QT-ĐTND-02
164	Quy trình: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	QT-ĐTND-03
165	Quy trình: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	QT-ĐTND-04
166	Quy trình: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	QT-ĐTND-05
167	Quy trình: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc thay đổi hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	QT-ĐTND-06
168	Quy trình: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	QT-ĐTND-07
169	Quy trình: Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QT-ĐTND-08
170	Quy trình: Xoá giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	QT-ĐTND-09
171	Quy trình: Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.	QT-ĐTND-10

<b>LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (01 QUY TRÌNH)</b>		
172.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.	QT-QLCS-01
<b>LĨNH VỰC QUÂN SỰ (14 QUY TRÌNH)</b>		
173.	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân).	QT-QĐ-01
174.	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (chủ phương tiện là cá nhân).	QT-QĐ-02
175.	Giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/04/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/04/2000.	QT-QĐ-03
176.	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết.	QT-QĐ-04
177.	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân bị tai nạn dẫn đến chết.	QT-QĐ-05
178.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu.	QT-QĐ-06
179.	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị.	QT-QĐ-07
180.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung.	QT-QĐ-08
181.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.	QT-QĐ-09
182.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập.	QT-QĐ-10
183.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng.	QT-QĐ-11
184.	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến.	QT-QĐ-12
185.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/04/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc.	QT-QĐ-13
186.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân,	QT-QĐ-14



	người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/04/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (đối tượng từ trần).	
<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>		
187.	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ	QT-DS-1
188.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	QT-DS-2